

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 02 - 2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Long, ông Trương Vĩnh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 582/2020/TLST - HNGĐ ngày 20/7/2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị Phương U, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà X đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà X đường Y, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Hà Thị Phương U trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh H sống chung với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 14/10/2016 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, anh H không có nghề nghiệp và thu nhập để hỗ trợ chị nuôi con chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 30/7/2016, chị U đề nghị Tòa án giao cháu B cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập anh Nguyễn Thanh H tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị Phương U có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp “*Ly hôn và nuôi con*”, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh H tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại biên bản xác minh ngày 02/11/2020 (bút lục 37), chính quyền địa phương xác định tình trạng hôn nhân của chị U và anh H như sau: “*Quá trình sinh sống tại địa phương, chị U và anh H có mâu thuẫn và báo chính quyền địa phương để hòa giải nhưng không thành*”. Nội dung biên bản xác minh là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, mặt khác, việc anh H không tham gia tố tụng thể hiện việc không muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa chị U và anh H đã trầm trọng, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

“Điều 56. Ly hôn theo yêu cầu của một bên

1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.

[4] Về con chung: Chị U và anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 30/7/2016, chị U có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng, xét thấy đây là yêu cầu phù hợp nên cần chấp nhận.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản tài sản chung, nợ chung: Chị U xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị Phương U phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 241, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hà Thị Phương U.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Phương U được ly hôn đối với anh Nguyễn Thanh H.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 30/7/2016 cho chị Hà Thị Phương U trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Hà Thị Phương U không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hà Thị Phương U xác định không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn chị Hà Thị Phương U phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (Nguyễn Trung T nộp thay Hà Thị Phương U) theo Biên lai số AA/2019/0008384 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp BMT;
- Chi cục THADS Tp B;
- UBND phường T, Tp B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng